

## PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



### 1. Thông tin chung

- Họ và tên: TRẦN THÚY NGÀ
- Năm sinh: 27/05/1967
- Giới tính: Nữ
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sĩ dinh dưỡng năm 2008 tại Đại học Mahidol, Thái Lan.
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Phó giáo sư năm 2018. Nơi bổ nhiệm: Viện Dinh dưỡng.

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Dinh dưỡng.
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Nghiên cứu viên cao cấp, Khoa vi chất dinh dưỡng. Phó chủ nhiệm Bộ môn Dinh dưỡng lâm sàng và Y học gia đình, Đại học Y dược, Đại học quốc gia.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): Không.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Không.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Không.

### 2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

#### 2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- Tổng số sách đã chủ biên: 01 giáo trình.
- Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chi số trích dẫn).

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                               |              |                                                             |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|------|
|    | Binh district, Thai Nguyen province, 2017.                                                                                                                                                                                                                                    |              |                                                             |      |
| 14 | Đặng Thị Hạnh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Thị Lan Phương. Khẩu phần ăn của nữ học sinh lớp 10 và 11 trường phổ thông trung học Lang Chánh tỉnh Thanh Hóa năm 2018.                                                                                                         | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Thực hành. Tập 6 (1135), năm 2020; 42-45.     | 2020 |
| 15 | Phạm Văn Doanh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Nguyễn Thúy Anh, Trần Quang Bình (2021). Tình trạng suy dinh dưỡng thể thấp còi và một số yếu tố liên quan đến trẻ gái từ 11-13 tuổi tại các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2018. | Đồng tác giả | Tạp chí Y học dự phòng Tập 31, số 3 – 2021, trang 96-102.   | 2021 |
| 16 | Phạm Văn Doanh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Nguyễn Thúy Anh, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng thiếu máu thiếu sắt của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019,   | Đồng tác giả | Tạp chí DD&TP, tập 17 số 3 năm 2021, trang 17-26.           | 2021 |
| 17 | Phạm Văn Doanh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Nguyễn Thúy Anh, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng thiếu vitamin A của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019,       | Đồng tác giả | Tạp chí DD&TP, tập 17 số 4 năm 2021. Trang 1-9.             | 2021 |
| 18 | Phạm Văn Doanh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng thiếu vitamin D, kẽm của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019.                   | Đồng tác giả | Tạp chí Y học dự phòng Tập 31, số 9 năm 2021. Trang 274-282 | 2021 |
| 19 | Phạm Văn Doanh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng nhân trắc của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019.                              | Đồng tác giả | Tạp chí Y học dự phòng Tập 31, số 9 năm 2021. Trang 235-243 | 2021 |



|    |                                                                                                                                                                                                                                          |              |                                                                       |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------|------|
| 20 | Lưu Kim Lệ Hằng, <u>Trần Thúy Nga</u> , Nguyễn Thị Lan Phương, Nguyễn Xuân Hiệp. Hiệu quả bổ sung đa vi chất cải thiện tình trạng thiếu máu thiếu sắt của nữ vị thành niên trung học phổ thông miền núi tỉnh Thanh Hóa năm 2019 – 2020.  | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Dự phòng, tập 31, số 9 phụ bản năm 2021, trang 226-234. | 2021 |
| 21 | Lưu Kim Lệ Hằng, <u>Trần Thúy Nga</u> , Nguyễn Thị Lan Phương, Nguyễn Xuân Hiệp. Hiệu quả bổ sung đa vi chất lên tình trạng thiếu kẽm, thiếu vitamin A của nữ vị thành niên trung học phổ thông miền núi tỉnh Thanh Hóa năm 2019 – 2020. | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Cộng đồng, tập 62, số 6 năm 2021, trang 180-186.        | 2021 |
| 22 | Phạm Quốc Hùng, Trần Đình Thoan, Nguyễn Văn, <u>Trần Thúy Nga</u> (2021). Hiệu quả bổ sung sữa nước Hanie kid lên tình trạng dinh dưỡng, sức khỏe và khả năng chấp nhận sản phẩm của học sinh lớp một.                                   | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam, 503(2), trang 250-254.                        | 2021 |
| 23 | Phạm Quốc Hùng, Trần Đình Thoan, Nguyễn Văn, <u>Trần Thúy Nga</u> (2021). Hiệu quả bổ sung sữa bột Hanie kid lên tình trạng dinh dưỡng, sức khỏe và khả năng chấp nhận sản phẩm của học sinh lớp một.                                    | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam, 503(2), trang 186-190.                        | 2021 |
| 24 | Nguyễn Song Tú, Nguyễn Thị Lâm, <u>Trần Thúy Nga</u> , Hoàng Nguyễn Phương Linh (2021). Hiệu quả sử dụng sữa tươi bổ sung vi chất trong cải thiện tình trạng thiếu kẽm và vitamin D trên trẻ mầm non và tiểu học năm 2018.               | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam, 503(2), trang 225-230.                        | 2021 |
| 25 | Trần Việt Nga, Lê Danh Tuyên, Phạm Vân Thúy, <u>Trần Thúy Nga</u> , Ninh Thị Nhung. Tình trạng thiếu năng lượng trường diễn và một số yếu tố liên quan đến phụ nữ tuổi sinh đẻ tại huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình năm 2015.                 | Đồng tác giả | Tạp chí Dinh dưỡng Thực phẩm, tập 17, số 4 năm 2021. Trang 8-15.      | 2021 |
| 26 | Hoàng Nguyễn Phương Linh, Nguyễn Song Tú, <u>Trần Thúy Nga</u> , Nguyễn Thúy Anh (2021). Tình trạng thiếu vitamin A và một số yếu tố liên quan ở trẻ 7-9 tuổi tại huyện Phú Bình. tỉnh Thái Nguyên. năm 2017.                            | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam, 504(7), số 1, trang 127-132.                  | 2021 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |              |                                                                                                                                                                          |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34 | Trần Thị Minh Nguyệt, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Thị Việt Hà, Trần Khánh Vân, Nguyễn Thị Lan Phương, Lê Văn Thanh Tùng, Nguyễn Thị Lương Hạnh. Tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em 6-11 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại một số xã nông thôn tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam .Tập 53- tháng 9 - số 1 – 2023, trang 345-350.<br><a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v53i1l.6984">https://doi.org/10.51298/vmj.v53i1l.6984</a> | 2023 |
| 35 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thúy Nga</b> , Hoàng Nguyễn Phương Anh, Lê Đức Trung "Thực trạng thiếu máu và một số yếu tố liên quan ở học sinh Trung học phổ thông tại tỉnh Tuyên Quang, năm 2021"                                                                                     | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Dự phòng, tập 33, số 5, tháng 9 năm 2023, trang.                                                                                                           | 2023 |
| 36 | Nguyễn Diệu Thoan, <b>Trần Thuý Nga</b> , Trần Khánh Vân, Nguyễn Thị Lan Phương, Đặng Thị Hạnh, Trịnh Bảo Ngọc (2023) Tình trạng dinh dưỡng và vi chất dinh dưỡng của học sinh 6-10 tuổi tại một số trường thuộc ba tỉnh miền Nam năm 2021.                                      | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam, tập 533(2).<br><a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v533i2.7923">https://doi.org/10.51298/vmj.v533i2.7923</a>                                   | 2023 |
| 37 | Đặng Thị Hạnh, <b>Trần Thuý Nga</b> , Trần Khánh Vân, Nguyễn Thị Lan Phương, Nguyễn Diệu Thoan, Lê Văn Thanh Tùng. Tình trạng dinh dưỡng, thiếu máu của nữ học sinh tại một số trường trung học cơ sở tại tỉnh Điện Biên và tỉnh Gia Lai, năm 2022.                              | Đồng tác giả | Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm 19(6) -2023. Trang 27-34.                                                                                                                | 2023 |
| 38 | Trần Thị Minh Nguyệt, <b>Trần Thúy Nga</b> , Trần Khánh Vân, Nguyễn Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Lan Phương, Lê Thị Thùy Dung, Lê Thị Loan. Tình trạng thiếu máu thiếu sắt ở trẻ 6-11 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại một số xã nông thôn tỉnh Thanh Hóa. 0381/638          | Đồng tác giả | Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm 20(1) -2024 trang 61-68.<br><a href="https://doi.org/10.56283/1859-">https://doi.org/10.56283/1859-</a>                                  | 2024 |

**- Danh mục bài đăng quốc tế:**

| TT | Tên bài báo | Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình | Tên tạp chí công bố | Năm công bố |
|----|-------------|--------------------------------------------|---------------------|-------------|
|----|-------------|--------------------------------------------|---------------------|-------------|



|   |                                                                                                                                                                                                           |              |                                                                                                                                      |      |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|   | determinants, intervention strategies and current gaps in addressing childhood malnutrition in Vietnam: a systematic review.                                                                              |              | <a href="https://doi.org/10.1186/s12889-024-18419-8">https://doi.org/10.1186/s12889-024-18419-8</a><br><b>ISI/ SCIE/SCI (IF=4.1)</b> |      |
| 7 | <b>Nga Thuy Tran</b> , Van Khanh Tran, Duong Thanh Tran, Tu Tran Ngoc Nguyen, et al. Triple burden of malnutrition among Vietnamese 0-5-11-year-old children in 2020-2021: results of SEANUTS II Vietnam. | Đồng tác giả | Public Health Nutrition. Published online 2024<br><b>ISI/ SCIE/SCI (IF=3.041)</b>                                                    | 2024 |

**2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)**

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 0 cấp Nhà nước; 01 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

**Đề tài, dự án, hoặc nhiệm vụ KHCN khác đã và đang tham gia trong 5 năm qua với tư cách chủ nhiệm hoặc đồng chủ nhiệm đề tài**

| <i>Tên/ Cấp</i>                                                                                                                                                                       | <i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i> | <i>Cơ quan quản lý đề tài, thuộc Chương trình</i> | <i>Tình trạng đề tài</i>   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------|
| Tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần, đặc điểm bữa sáng của đối tượng 6-45 tuổi tại 10 phường TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh                                                               | 2017-2019                             | Viện                                              | Đã nghiệm thu đạt xuất sắc |
| Nghiên cứu sau can thiệp hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ                                                                                                                                  | 2017-2019                             | Viện                                              | Đã nghiệm thu đạt xuất sắc |
| Hiệu quả bổ sung Optimum Gold 4 lên tình trạng dinh dưỡng, tiêu chảy, nhiễm khuẩn hô hấp và phát triển tâm vận động của trẻ từ 24 - 59 tháng tuổi tại một số xã thuộc tỉnh Bắc Giang. | 2018-2020                             | Viện                                              | Đã nghiệm thu đạt xuất sắc |
| Hiệu quả bổ sung sản phẩm dinh dưỡng “Pedia Kenji 2+” lên tình trạng dinh dưỡng, biếng ăn, rối loạn tiêu hoá, nhiễm khuẩn đường hô hấp ở trẻ 24-59 tháng tuổi                         | 2019-2020                             | Viện                                              | Đã nghiệm thu đạt xuất sắc |
| Giải pháp dinh dưỡng và an toàn thực phẩm cho bộ đội đặc công nước thuộc Bộ tư lệnh                                                                                                   | 2019                                  | Viện                                              | Đã nghiệm thu đạt xuất     |

|                               | (bắt đầu -<br>kết thúc) | lý đề tài,<br>thuộc Chương<br>trình<br>(nếu có) | đề tài<br>(đã nghiệm<br>thu/ chưa<br>nghiệm thu) |
|-------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| Tổng Điều tra dinh dưỡng 2020 | 2019-2023               | Viện                                            | Đã nghiệm<br>thu                                 |

#### 2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: ..... sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: ..... tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: ..... thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp):

.....

#### 2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 01 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn):

| Tên NCS đào tạo    | Tên luận án của NCS<br>(đã bảo vệ luận án TS hoặc đang làm NCS)                                                                                                                       | Vai trò hướng dẫn | Năm bảo vệ thành công | Cơ sở đào tạo                      |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------------------|
| Nguyễn Đăng Trường | Hiệu quả bổ sung Hebimam hoặc bổ sung đa vi chất dinh dưỡng để cải thiện tình trạng thiếu máu của phụ nữ có thai (Đã nhận bằng Tiến sĩ)                                               | Hướng dẫn phụ     | 2017                  | Trung tâm Đào tạo, Viện Dinh dưỡng |
| Trần Khánh Vân     | Xây dựng công thức tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm thông dụng cho học sinh 7-10 tuổi theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế thế giới và đánh giá hiệu quả (Đã nhận bằng Tiến sĩ) | Hướng dẫn phụ     | 2020                  | Trung tâm Đào tạo, Viện Dinh dưỡng |
| Phan Tiến Hoàng    | Hiệu quả bổ sung sắt kẽm cho trẻ thấp còi (Đã bảo vệ cấp Viện)                                                                                                                        | Hướng dẫn phụ     | 2023                  | Trung tâm Đào tạo, Viện Dinh       |



|                                                |              |              |      |
|------------------------------------------------|--------------|--------------|------|
| nghị cho người Việt Nam                        |              |              |      |
| Chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em        | Đồng tác giả | NXB Dân trí, | 2014 |
| Khuyến nghị dinh dưỡng trong 1000 ngày vàng    | Đồng tác giả | NXB Y học    | 2017 |
| Hóa sinh dinh dưỡng                            | Đồng tác giả | NXB Y học    | 2018 |
| Tài liệu phòng chống thừa cân béo phì ở trẻ em | Đồng tác giả | NXB          | 2017 |

### Các bài báo khoa học

Số bài đăng trên các tạp chí nước ngoài: 24

Số bài báo đăng trên các tạp chí trong nước: 116

### *Danh mục bài báo khoa học trong nước và quốc tế*

| TT | Tên bài báo                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình | Tên tạp chí công bố                                                                                                                                    | Năm công bố |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1  | <b>Tran Thuy Nga</b> , Pattanee Winichagoon, Marjoleine A. Dijkhuizen, Nguyen Cong Khan, Emorn Wasantwisut, Harold Furr, Frank T. Wieringa. Multi-micronutrient fortified biscuits decreased prevalence of anemia, and improved micronutrient status and effectiveness of deworming in rural Vietnamese school children. | Tác giả                                    | Journal of Nutrition 2009; 139:1-9.<br><b>ISI/ SCIE, SCI (IF=4.091)</b>                                                                                | 2009        |
| 2  | Dieu T. T. Huynh, Nga T. Tran, Lam T. Nguyen, Yatin Berde & Yen Ling Low (2017): Impact of maternal nutritional supplementation in conjunction with a breastfeeding support program on breastfeeding performance, birth, and growth outcomes in a Vietnamese population                                                  | Đồng tác giả                               | The Journal of Maternal-Fetal & Neonatal Medicine, DOI: 10.1080/14767058.2017.1320984<br><b>ISI/ SCIE, (IF=1.826)</b>                                  | 2017        |
| 3  | Zhiying Zhang, Nga T. Tran , Tu S. Nguyen , Lam T. Nguyen , Yatin Berde, Siew Ling Tey, Yen Ling Low , Dieu T. T. Huynh Impact of maternal nutritional Supplementation inconjunction with a Breastfeeding support program during the Last trimester to 12 weeks postpartum on Breastfeeding practices                    | Đồng tác giả                               | PLoS ONE<br><a href="https://doi.org/10.1371/journal.pone.0200519">https://doi.org/10.1371/journal.pone.0200519</a><br><b>ISI/ SCIE/SCI (IF=3.041)</b> | 2018        |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |              |                                                                                                          |      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    | A của trẻ em và tình trạng vitamin A trong sữa mẹ ở những xã có tỷ lệ suy dinh dưỡng protein năng lượng dưới 30% và dưới 15%.                                                                                                                                                                                                                                     | giả          | 25-32                                                                                                    |      |
| 12 | Cao Thu Hương, Phạm Thúy Hòa, <b>Trần Thúy Nga</b> , Hà Huy Khôi. Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ ở một số xã thuộc các vùng sinh thái khác nhau.                                                                                                                                                                                                                  | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Dự phòng 2003. Tập X, số 463, pp. 13-16                                                    | 2003 |
| 13 | Nguyễn Văn Nhiên, Nguyễn Xuân Ninh, <b>Trần Thúy Nga</b> . Phát triển kỹ thuật sắc ký lỏng cao áp (HPCL) định lượng vitamin B1 trong máu người Việt Nam                                                                                                                                                                                                           | Đồng tác giả | Tạp chí Y dược Quân đội, 2003, Tập 28 (6), 15-21                                                         | 2003 |
| 14 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Xuân Ninh, Nguyễn Thị Lâm, Nguyễn Công Khẩn. Tình trạng dinh dưỡng, thiếu máu, và một số bệnh nhiễm khuẩn của trẻ em 6-9 tuổi ở một số xã nông thôn miền Bắc.                                                                                                                                                                       | Tác giả      | Tạp chí Dinh dưỡng và thực phẩm. Tập 2. Số 3, 4, tháng 11/2006. 24-28.                                   | 2006 |
| 15 | <b>Tran T. Nga</b> , Pattanee Winichagoon, Marjoleine A. Dijkhuizen, Nguyen C. Khan, Emorn Wasantwisut, Frank T. Wieringa. Decreased parasite load and improved cognitive outcomes caused by Deworming and Consumption of Multi-Micronutrient Fortified Biscuits Decreased Parasite Load and Improved some Cognitive Outcomes in Rural Vietnamese Schoolchildren. | Tác giả      | American Journal of Tropical Medicine & Hygiene. 2011 Aug;85(2):333-40. <b>ISI/ SCIE, SCI (IF=2.592)</b> | 2011 |
| 16 | Arnaud Laillou, Pham Van Thuy, <b>Tran Thuy Nga</b> , Le Thi Hop, Frank Wieringa, Fabian Rohner, Sonia Fortin, Le Bach Mai, Tran Thanh Do, Regina Moench-Pfanner, and Jacques Berger. Micronutrient deficits are still public health issues among women and young children in Vietnam.                                                                            | Đồng tác giả | PLoS One. 2012;7(4):e34906: 1-14. <b>ISI/ SCIE, (IF=3.73)</b>                                            | 2012 |
| 17 | <u>Le Nguyen BK, Le Thi H, Nguyen Do VA, <b>Tran Thuy N</b>, Nguyen Huu C, Thanh Do T, Deurenberg P, Khouw I.</u> Double burden of undernutrition and overnutrition in Vietnam in 2011: results of the SEANUTS study in 0-5-11-year-old children.                                                                                                                 | Đồng tác giả | Br J Nutr. 110 Suppl 3:S45-56. <b>ISI/ SCIE, SCI (IF=3.342)</b>                                          | 2013 |
| 18 | <b>Nga TT</b> , Nguyen M, Mathisen R, Hoa do T, Minh NH, Berger J, et al. (2013) Acceptability and impact on anthropometry of a locally developed Ready-to-use therapeutic food in pre-school children in Vietnam.                                                                                                                                                | Tác giả      | Nutr J 2013;12(1):120. <b>ISI/ SCIE, SSCI (IF=2.635)</b>                                                 | 2013 |



|    |                                                                                                                                                                                                                                    |              |                                                                                                                              |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    | Prevent Micronutrient Deficiencies in Vietnam.                                                                                                                                                                                     |              | IF=1.4                                                                                                                       |      |
| 26 | Nhung BT, Tuyen LD, Linh VA, Anh ND, <b>Nga TT</b> , Thuc VT, Yui K, Ito Y, Nakashima Y, Yamamoto S. Rice Bran Extract Reduces the Risk of Atherosclerosis in Post-Menopausal Vietnamese Women.                                    | Đồng tác giả | J Nutr Sci Vitaminol (Tokyo). 2016;62(5):295-302.<br><b>ISI/ SCIE, SCI (IF=0.674)</b>                                        | 2016 |
| 27 | de Gier B, <b>Nga TT</b> , Winichagoon P, Dijkhuizen MA, Khan NC, van de Bor M, Ponce MC, Polman K, Wieringa FT. Species-Specific Associations Between Soil-Transmitted Helminths and Micronutrients in Vietnamese Schoolchildren. | Đồng tác giả | Am J Trop Med Hyg. 2016 Jul 6;95(1):77-82. doi: 10.4269/ajtmh.15-0533. Epub 2016 May 31.<br><b>ISI/ SCIE, SCI (IF=2.549)</b> | 2016 |
| 28 | <u>Turk T, Quang ND, <b>Nga TT</b>, Phuong H, Tung LV, Trang VH. A rapid assessment and response approach for socially marketed nutrition commodities in Viet Nam.</u>                                                             | Đồng tác giả | Asia Pac J Clin Nutr. 2017 Jan;26(1):182-189.<br><b>ISI/ SCIE, (IF=1.816)</b>                                                | 2017 |
| 29 | Phạm Vân Thúy, <b>Trần Thúy Nga</b> , Lê Thị Hợp. Tình trạng vi chất của phụ nữ và trẻ em Việt Nam.                                                                                                                                | Đồng tác giả | Tạp chí Nhi Khoa. Tập 5, số 2, 2012. tr 6-14.                                                                                | 2012 |
| 30 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Lê Danh Tuyên. Bánh quy được tăng cường đa vi chất dinh dưỡng cải thiện tình trạng thiếu vitamin A và kẽm ở học sinh tiểu học Nghiên cứu y học.                                                             | Tác giả      | Tạp chí Nghiên cứu y học, 2012. Tập 79, số 2, tr 238-244.                                                                    | 2012 |
| 31 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Lê Danh Tuyên. Hiệu quả của thực phẩm bổ sung đa vi chất kết hợp tẩy giun lên tình trạng thiếu máu và thiếu iốt của học sinh tiểu học                                                                       | Tác giả      | Y học Việt Nam. - 2012, Tháng 5, Tập <b>393</b> , Số 2, tr.93-97                                                             | 2012 |
| 32 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Lê Danh Tuyên. Thực trạng suy dinh dưỡng thấp còi và một số yếu tố liên quan tới suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ dưới 24 tháng.                                                                               | Tác giả      | Tạp chí Nghiên cứu y học, 2012. Tập 80, số 2, tr 228-334.                                                                    | 2012 |
| 33 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Hoàng Văn Phương, Nguyễn Hồng Trường, Nghiêm Phú Trường, Phạm Quốc Hưng, Nguyễn Song Tú. Nghiên cứu khẩu phần ăn của nữ vị thành niên tại một số xã miền núi thuộc huyện Lạc Sơn, Hòa Bình                  | Tác giả      | Tạp chí Y học Thực hành, số 6 (874) 2013; 156-159                                                                            | 2013 |
| 34 | Phạm Vân Thúy, <b>Trần Thúy Nga</b> . Cảm quan và chất lượng gạo tăng cường sắt.                                                                                                                                                   | Đồng tác giả | Tạp chí nghiên cứu y học. Vol 8, N4, pp. 101-106                                                                             | 2013 |
| 35 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Phạm Vân Thúy, Nguyễn Thị Minh Chính. Tình trạng dinh dưỡng và thiếu máu của nữ 10-19                                                                                                                       | Tác giả      | Tạp chí Y học Việt Nam, tập 41, tháng 4, số 2, 2014; trang                                                                   | 2014 |



|    |                                                                                                                                                                                                                                    |              |                                                                      |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------|------|
| 47 | Nguyễn Thị Thịnh, Nguyễn Quang Dũng, <b>Trần Thúy Nga</b> . Kiến thức, thực hành dinh dưỡng của bà mẹ có con dưới 5 tuổi người H'Mông tại một số xã thuộc huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.                                            | Đồng tác giả | Tạp chí y tế công cộng 2015; 12(37):45-51.                           | 2015 |
| 48 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thúy Nga</b> , Lê Danh Tuyên, Hoàng Văn Phương, Frank Wieringa. Một số yếu tố liên quan tới cân nặng sơ sinh dưới 3.000 gram ở trẻ nhỏ tại huyện Phú Bình, Thái Nguyên.                                    | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Dự phòng tập XXVI, số 15 (188) 2016, trang 132-139     | 2016 |
| 49 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Lê Nguyễn Bảo Khanh, Lê Thị Hợp và CS., Tình trạng thiếu máu ở trẻ em từ 0,5 đến 11 tuổi năm 2012.                                                                                                          | Tác giả      | Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm, 2016, 12 (1): tr. 26-32.             | 2016 |
| 50 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thúy Nga</b> , Frank Wieringa, Lê Danh Tuyên, Hoàng Văn Phương (2016). Thực trạng thiếu máu, kiến thức thực hành phòng chống thiếu máu, thiếu sắt của phụ nữ có thai tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. | Đồng tác giả | Tạp chí Y học thực hành số 9 (1022) 2016, trang 82-86.               | 2016 |
| 51 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Hữu Chính, Lê Thị Hợp và CS., Tình trạng thiếu vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em tuổi học đường (6-11 tuổi) năm 2012.                                                                                 | Tác giả      | Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm, 2016, 12 (1): tr. 33-38.             | 2016 |
| 52 | Trần Thị Giáng Hương, Nguyễn Thùy Linh, Đỗ Thị Huyền Trang, <b>Trần Thúy Nga</b> . Tình trạng thiếu máu ở phụ nữ mang thai và một số yếu tố liên quan tại 5 xã thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên năm 2013                       | Đồng tác giả | Tạp Chí Y học Thực hành, Năm 2016, Tháng 4 .- Số 4 (1001), Tr 33-35. | 2016 |
| 53 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Phạm Văn Thúy, Lê Danh Tuyên, Tình trạng thiếu vitamin D và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ có thai tại 5 xã tỉnh Thái Nguyên.                                                                             | Tác giả      | Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm, 2016, 12 (1): tr. 60-66.             | 2016 |
| 54 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Hồng Trường, Lê Danh Tuyên, Lê Thị Hợp và CS., Tình trạng vitamin D ở trẻ em tuổi học đường năm 2012.                                                                                                | Tác giả      | Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm, 2016, 12 (1): tr. 47-52.             | 2016 |
| 55 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thúy Nga</b> , Frank Wieringa, Lê Danh Tuyên, Hoàng Văn Phương (2016). Thực trạng thiếu Vitamin A tiền lâm sàng ở phụ nữ có thai và một số yếu tố liên quan tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.          | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Dự phòng tập XXVI, số 8 (181) 2016, trang 85-92.       | 2016 |
| 56 | Nguyễn Đăng Trường, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Đỗ Huy, Lê Danh Tuyên,                                                                                                                                                           | Đồng tác     | Tạp chí Y học thực hành (1027) - Số                                  | 2016 |



|    |                                                                                                                                                                                       |              |                                                                    |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------|------|
|    | Song Tú (2017). Tình trạng thiếu máu ở trẻ 36-59 tháng tuổi nguy cơ suy dinh dưỡng thấp còi tại huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, năm 2015.                                              |              | 42-49.                                                             |      |
| 66 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thuý Nga</b> , Lê Danh Tuyên (2017). Thực trạng thiếu sắt ở bà mẹ cho con bú và một số yếu tố liên quan tại một huyện trung du miền núi phía Bắc.             | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam. Tập 458, tháng 9, số 1, 45-49.             | 2017 |
| 67 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thuý Nga</b> , Lê Danh Tuyên, Hoàng Văn Phương. Thực trạng vitamin A trong sữa mẹ sau sinh 1 tuần và một số yếu tố liên quan tại huyện Phú Bình, Thái Nguyên. | Đồng tác giả | Tạp chí Nghiên cứu Y học Tập 106, số 1, tr 170-178                 | 2017 |
| 68 | Nguyễn Thị Kim Tiến, <b>Trần Thuý Nga</b> . Độ bao phủ sử dụng viên đa vi chất ở phụ nữ có thai, cho con bú và một số yếu tố liên quan tại một số xã thuộc 2 tỉnh Kon Tum và Cà Mau.  | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam, tập 458, số 2, năm 2017. tr 33-37          | 2017 |
| 69 | <b>Trần Thuý Nga</b> , Nguyễn Song Tú. Tình trạng dinh dưỡng, thiếu máu và một số yếu tố liên quan đến thiếu máu ở phụ nữ sau sinh 6 tháng huyện Phú Bình, Thái Nguyên năm 2012.      | Tác giả      | Tạp chí Y học dự phòng tập 27, số 3 Phụ bản, 2017. trang 58-66.    | 2017 |
| 70 | <b>Trần Thuý Nga</b> , Nguyễn Thị Kim Tiến. Hiệu quả của sản phẩm HEBI-Mam đến tình trạng dinh dưỡng ở trẻ từ 24 đến 59 tháng tuổi tại một số xã, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.       | Tác giả      | Tạp chí Y học Việt Nam, tập 458, số 2, năm 2017. tr 5-9            | 2017 |
| 71 | <b>Trần Thuý Nga</b> , Nguyễn Song Tú. Tình trạng dinh dưỡng, thiếu máu và thiếu vitamin A ở phụ nữ có thai tại huyện Phú Bình, Thái Nguyên.                                          | Tác giả      | Tạp chí Y học dự phòng tập 27, số 3 Phụ bản, 2017. trang 113-120.  | 2017 |
| 72 | <b>Trần Thuý Nga</b> , Lê Danh Tuyên. Độ bao phủ sử dụng bột đa vi chất ở trẻ em từ 6-23 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại 4 xã thuộc 2 tỉnh Kon Tum và Cà Mau.               | Tác giả      | Tạp chí Y học Dự phòng tập 27, số 6, 2017, tr 179-187              | 2017 |
| 72 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thuý Nga</b> , Hoàng Văn Phương. Thực trạng dự trữ sắt ở bà mẹ sau sinh 6 tháng và một vài yếu tố liên quan tại Phú Bình                                      | Đồng tác giả | Tạp chí Y học dự phòng, tập 27, số 6 Phụ bản, 2017. trang 175-182. | 2017 |
| 73 | <b>Trần Thuý Nga</b> , Lê Danh Tuyên. Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai và một số yếu tố liên quan tại huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang năm 2016                                         | Tác giả      | Tạp chí Y học Dự phòng, tập 27, số 6, 2017. trang 165-171.         | 2017 |
| 74 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thuý Nga</b> , Hoàng Văn Phương, Lê Danh Tuyên, Nguyễn Thị Kim Tiến. Hà Anh Đức                                                                               | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Dự phòng số 6, tập 27, tr 172 - 178.                 | 2017 |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                    |              |                                                                                  |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------|------|
|    | Nội sau 10 tháng triển khai, năm 2017.                                                                                                                                                                                                             |              |                                                                                  |      |
| 84 | Phạm Quốc Hùng, Lê Danh Tuyên, Nguyễn Công Khẩn, Nguyễn Đỗ Huy, <b>Trần Thúy Nga</b> , Đặng Đình Thoảng. Một số đặc điểm dinh dưỡng của phụ nữ mang thai 6-16 tuần ở Hà Nam                                                                        | Đồng tác giả | Tạp chí Y học thực hành.<br>Tập 6 (1049) tr 32-34 2017                           | 2017 |
| 85 | <b>Trần Thúy Nga</b> , Lê Danh Tuyên, Nguyễn Quang Dũng. Thực trạng khẩu phần và tiêu thụ lương thực thực phẩm của phụ nữ có thai tại một số xã thuộc tỉnh Thái Nguyên                                                                             | Tác giả      | Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm, tập 13, số 6, tháng 8 năm 2017, trang 61-70      | 2017 |
| 86 | Hoàng Văn Phương, Lê Danh Tuyên, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú (2017). Tình trạng thiếu kẽm và yếu tố liên quan ở trẻ 36-59 tháng tuổi suy dinh dưỡng và nguy cơ suy dinh dưỡng thấp còi tại huyện thanh liêm, tỉnh hà nam, năm 2015.      | Đồng tác giả | Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm, tập 13, số 6 (1), tháng 8 năm 2017. Tr 12 -17 . | 2017 |
| 87 | Hoàng Văn Phương, Lê Danh Tuyên, Phạm Thị Thanh Bình, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú. Tình trạng thiếu vitamin A và một số yếu tố liên quan ở trẻ 36-59 tháng tuổi nguy cơ suy dinh dưỡng thấp còi tại huyện Đồng bằng Sông Hồng, năm 2015. | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam. Tập 458, tháng 9, số 2. tr 216-220.                      | 2017 |
| 88 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thúy Nga</b> , Lê Danh Tuyên, Hoàng Văn Phương Nguyễn Thị Kim Tiến, Hà Anh Đức (2017). Thực trạng dự trữ sắt ở bà mẹ sau sinh 6 tháng và một vài yếu tố liên quan tại Phú Bình.                                            |              | Tạp chí Y học Dự phòng, tập 27, số 6 phụ bản 2017. tr 175-182.                   |      |
| 89 | Phạm Quốc Hùng, Lê Danh Tuyên, Nguyễn Công Khẩn, Nguyễn Đỗ Huy, <b>Trần Thúy Nga</b> , Đặng Đình Thoảng. So sánh tác động bổ sung đa vi chất với sắt - Acid Folic ở phụ nữ mang thai đối với chiều cao, cân nặng trẻ sơ sinh.                      | Đồng tác giả | Tạp chí Y Học Việt Nam tập 459, số 1(10), năm 2017. 258-261                      | 2017 |
| 90 | Phạm Quốc Hùng, Lê Danh Tuyên, <b>Trần Thúy Nga</b> . Hiệu quả bổ sung đa vi chất với sắt - Acid Folic ở phụ nữ mang thai đối với tình trạng nuôi con bằng sữa mẹ.                                                                                 | Đồng tác giả | Tạp chí Y Học Việt Nam Tập 459, số 2(10), 2017 tr 144-146                        | 2017 |
| 91 | Lê Danh Tuyên, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Thị Kim Tiến. Tình trạng dinh dưỡng, thiếu máu và kiến thức - thực hành phòng chống thiếu máu của nữ công nhân thuộc 3 nhà máy tại tỉnh Bình Dương và TP Hồ Chí Minh                                  | Đồng tác giả | Tạp chí Y Học Việt Nam Tập 457, số 2 (8), 2017, tr 63-68                         | 2017 |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |              |                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------|------|
|     | của học sinh 11-14 tuổi tại một số trường phổ thông dân tộc bán trú huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, năm 2017.                                                                                                                                                                       |              | 104-108.                                                              |      |
| 100 | Nguyễn Song Tú, Nguyễn Thị Vân Anh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Hoàng Nguyễn Phương Linh (2019). Tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ vị thành niên 11-14 tuổi tại 4 trường phổ thông dân tộc bán trú huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, năm 2017.                                               | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Dự phòng, tập 29, số 3 – 2019, tr 48-54                 | 2019 |
| 101 | Hoàng Văn Phương, Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Thị Vân Anh (2019). Đặc điểm cấu trúc cơ thể ở học sinh 11-14 tuổi dân tộc Kinh, Tày, H'mông, Dao tại các trường phổ thông dân tộc bán trú, tỉnh Yên Bái, năm 2017.                                               | Đồng tác giả | Tạp chí Y tế công cộng 2019. Số 49, 06/2019, tr 55-62.                | 2019 |
| 102 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Thị Vân Anh, Hoàng Văn Phương (2019). Một số yếu tố liên quan tới suy dinh dưỡng thấp còi ở học sinh 11-14 tuổi tại các trường phổ thông dân tộc bán trú, tỉnh Yên Bái, năm 2017.                                                   | Đồng tác giả | Tạp chí Y tế công cộng 2019. Số 49, 06/2019, tr 25-35.                | 2019 |
| 103 | Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thúy Nga</b> , Hoàng Văn Phương (2019). Đặc điểm Z-Score của chỉ số chiều cao theo tuổi và tình trạng dinh dưỡng ở học sinh dân tộc Kinh, Dao, H'mông, Tày 11-14 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú, Tỉnh Yên Bái, năm 2017. | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam, tập 484, tháng 11-2019; Số 2. tr 178-182.     | 2019 |
| 104 | Nguyễn Song Tú, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Thị Vân Anh (2019). Tình trạng thiếu máu và yếu tố liên quan ở trẻ mầm non, tiểu học suy dinh dưỡng và nguy cơ suy dinh dưỡng thấp còi của huyện Lục Yên, Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, năm 2017.                                         | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam, tập 485, tháng 12-2019; Số 1 & 2. Tr 188-193. | 2019 |
| 105 | Trần Khánh Vân, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú (2020). Đặc điểm khẩu phần ăn của học sinh tiểu học tại 5 xã thuộc huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.                                                                                                                        | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam. 1-2 (492): 105-110                            | 2020 |
| 106 | Tran Khanh Van, <b>Tran Thuy Nga</b> , Nguyen Xuan Hiep, Nguyen Song Tu, Nguyen Tran Ngoc Tu (2020). Effectiveness of micronutrient dietary intake and nutrition fortified milk to improve serum zinc concentrations of                                                           | Đồng tác giả | Vietnam Journal of Preventive Medicine. Volume 30, Issue 4, 67-74     | 2020 |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                             |              |                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------|------|
|     | thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2018.                                                                                                                                                                                                                                |              |                                                                       |      |
| 114 | Phạm Văn Doanh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Nguyễn Thúy Anh, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng thiếu máu thiếu sắt của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019, | Đồng tác giả | Tạp chí DD&TP, tập 17 số 3 năm 2021, trang 17-26.                     | 2021 |
| 115 | Phạm Văn Doanh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Nguyễn Thúy Anh, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng thiếu vitamin A của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019,     | Đồng tác giả | Tạp chí DD&TP, tập 17 số 4 năm 2021. Trang 1-9.                       | 2021 |
| 116 | Phạm Văn Doanh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng thiếu vitamin D, kẽm của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019.                 | Đồng tác giả | Tạp chí Y học dự phòng Tập 31, số 9 năm 2021. Trang 274-282           | 2021 |
| 117 | Phạm Văn Doanh, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Song Tú, Huỳnh Nam Phương, Trần Quang Bình (2021). Hiệu quả tăng cường đa vi chất lên tình trạng nhân trắc của trẻ gái từ 11-13 tuổi ở các trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Yên Bái năm 2019.                            | Đồng tác giả | Tạp chí Y học dự phòng Tập 31, số 9 năm 2021. Trang 235-243           | 2021 |
| 118 | Lưu Kim Lệ Hằng, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Thị Lan Phương, Nguyễn Xuân Hiệp. Hiệu quả bổ sung đa vi chất cải thiện tình trạng thiếu máu thiếu sắt của nữ vị thành niên trung học phổ thông miền núi tỉnh Thanh Hóa năm 2019 – 2020.                                     | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Dự phòng, tập 31, số 9 phụ bản năm 2021, trang 226-234. | 2021 |
| 119 | Lưu Kim Lệ Hằng, <b>Trần Thúy Nga</b> , Nguyễn Thị Lan Phương, Nguyễn Xuân Hiệp. Hiệu quả bổ sung đa vi chất lên tình trạng thiếu kẽm, thiếu vitamin A của nữ vị thành niên trung học phổ                                                                                   | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Cộng đồng, tập 62, số 6 năm 2021, trang 180-186.        | 2021 |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |              |                                                                                                                                                                        |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|     | Dũng, Nguyễn Thị Lan Phương, <u>Trần Thúy Nga</u> , Lê Danh tuyên Dũng (2022). Hiệu quả bổ sung phối hợp sắt và kẽm đến tình trạng thiếu máu, thiếu sắt, thiếu kẽm trên trẻ 1-3 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi.                                                                                                           | giả          | dưỡng & Thực phẩm. Tập 18, số 1 – 2022, trang 30 - 37.                                                                                                                 |      |
| 128 | Lê Thị Hiệp, Lê Danh Tuyên, <u>Trần Thúy Nga</u> , Trần Khánh Vân, Phan Thị Hồng Diệu, Nguyễn Thị Lan Phương. Tình trạng dinh dưỡng của học sinh tiểu học ở ba tỉnh miền bắc năm 2020.                                                                                                                                  | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam. tập 516 - tháng 7 - số 1 – 2022, trang 190-194                                                                                                 | 2022 |
| 129 | Phan Thị Thanh Tâm, <u>Trần Thúy Nga</u> , Trần Khánh Vân, Nguyễn Thị Lan Phương, Nguyễn Trần Ngọc Tú, Lê Ánh Hoa. Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan tới suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ 24-71 tháng tại một số trường mầm non huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên năm 2020.                                 | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam. Tập 516 - tháng 7 - số 1 – 2022, trang 198-202                                                                                                 | 2022 |
| 130 | Trương Thị Thu Hường , <u>Trần Thuý Nga</u> , Đặng Thị Hạnh, Trần Khánh Vân, Nguyễn Thị Lan Phương, Lê Văn Thanh Tùng, Trần Thị Thoa. Tình trạng dinh dưỡng của học sinh 15-18 tuổi ở một số trường trung học phổ thông tỉnh Điện Biên năm 2020.                                                                        | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam .Tập 516 - tháng 7 - số 1 – 2022, trang 198-202.                                                                                                | 2022 |
| 131 | Trần Thị Minh Nguyệt, <u>Trần Thúy Nga</u> , Nguyễn Thị Việt Hà, Trần Khánh Vân, Nguyễn Thị Lan Phương, Lê Thị Thùy Dung, Đặng Thị Hạnh "Hiệu quả bổ sung gói đa vi chất kết hợp truyền thông giáo dục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tình trạng nhân trắc của trẻ 6-11 tháng ở một số xã nông thôn tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam" | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Dự phòng, tập 33, số 4, năm 2023, trang 116-123.                                                                                                         | 2023 |
| 132 | Trần Thị Minh Nguyệt, <u>Trần Thúy Nga</u> , Nguyễn Thị Việt Hà, Trần Khánh Vân, Nguyễn Thị Lan Phương, Lê Văn Thanh Tùng, Nguyễn Thị Lương Hạnh. Tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em 6-11 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại một số xã nông thôn tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam                                        | Đồng tác giả | Tạp chí Y học Việt Nam .Tập 53- tháng 9 - số 1 – 2023, trang 345-350.<br><a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v53i1.6984">https://doi.org/10.51298/vmj.v53i1.6984</a> | 2023 |
| 133 | Winichagoon P, Pongcharoen T, Fadjjarwati T, Winarno E, Karim NA, Purevsuren E, Ahmad T, Yameen A,                                                                                                                                                                                                                      | Đồng tác giả | Eur J Clin Nutr. 2023 Oct 14. doi: 10.1038/s41430-                                                                                                                     | 2023 |



|     |                                                                                                                                                                                                            |              |                                                                                                                                                                           |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 139 | Mondon, C., Tan, P.Y., Chan, C.L.<br><b>Tran T.N.</b> , Gong Y.Y. Prevalence, determinants, intervention strategies and current gaps in addressing childhood malnutrition in Vietnam: a systematic review. | Đồng tác giả | BMC Public Health 24, 960 (2024).<br><a href="https://doi.org/10.1186/s12889-024-18419-8">https://doi.org/10.1186/s12889-024-18419-8</a><br><b>ISI/ SCIE/SCI (IF=4.1)</b> | 2024 |
| 140 | <b>Nga Thuy Tran</b> , Van Khanh Tran, Duong Thanh Tran, Tu Tran Ngoc Nguyen, et al. Triple burden of malnutrition among Vietnamese 0-5-11-year-old children in 2020-2021: results of SEANUTS II Vietnam.  | Đồng tác giả | Public Health Nutrition. Published online 2024<br><b>ISI/ SCIE/SCI (IF=3.041)</b>                                                                                         | 2024 |

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

|           |     |
|-----------|-----|
| Trích dẫn | 875 |
| h-index   | 14  |
| i10-index | 16  |

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: thảo luận trực tiếp cùng chuyên gia trong công tác chuyên môn.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2024

**NGƯỜI KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thuy Nga